

Chính sách Dân tộc
&
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT
ĐẤT SẢN XUẤT CHO CÁC DÂN TỘC
THIỆU SỐ TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN
2002-2012¹**

1. Giới thiệu

Gia Lai là tỉnh thuộc Bắc Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 15.536,93km². Dân số năm 2010 của tỉnh là 1.302.684 người, trong đó khu vực thành thị có 382.950 người, chiếm 29,4%; khu vực nông thôn có 919.734 người, chiếm 71,6%. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 34 dân tộc, chủ yếu là dân tộc Kinh - chiếm khoảng 56,38% dân số; Gia-rai - 29,43%; Ba-na - 11,94%; ngoài ra, còn có các dân tộc Tày, Thái, Khơ-me, Mường, Nùng, Ê-đê, Bru - Vân Kiều... Phần lớn các dân tộc thiểu số (DTTS) đều có trình độ dân trí hạn chế, sống phân tán, một bộ phận còn du canh du cư; do đó, họ gặp nhiều khó khăn về phát triển kinh tế - xã hội.

Sự phân hóa giàu - nghèo giữa các dân tộc đã xuất hiện; trong đó, dân tộc Kinh và một phần nhỏ Gia-rai có đời sống khá hơn

các dân tộc khác. Một trong những yếu tố tác động đến sự giàu - nghèo là đất sản xuất. Hộ giàu thường có khoảng 40ha đất nông, lâm nghiệp; trong đó, diện tích cây công nghiệp lâu năm chiếm khoảng 50%. Những hộ trung bình thường sử dụng khoảng 20ha đất sản xuất. Đa số hộ nghèo là người dân tại chỗ và các hộ di cư tự do thiếu đất hoặc không có đất, phải đi làm thuê. Hộ nghèo đói thường có không quá 0,5ha đất và chủ yếu là sản xuất cây hàng năm, đáp ứng nhu cầu lương thực hàng ngày. Trong những năm gần đây, bên cạnh các chương trình, dự án của Chính phủ và các Bộ, ngành hỗ trợ cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, tỉnh Gia Lai đã có nhiều nỗ lực trong công tác xóa đói giảm nghèo (XĐGN), trong đó có chính sách cấp đất cho đồng bào thiếu đất sản xuất.

2. Kết quả giải quyết đất sản xuất cho các DTTS 2002-2012

Trong giai đoạn 2002-2012, tổng nhu cầu về đất sản xuất của 18.514 hộ DTTS (Chương trình 132, 134) là 8.063,49ha. Tính đến năm 2012 tỉnh Gia Lai đã giải quyết được 4.965,92ha (62%) cho 14.181 hộ (77%). Cụ thể như sau:

- *Chương trình 132*: Toàn tỉnh đã giải quyết được 3.895,14ha/6.687,705ha (58,25%) cho 11.916 hộ/15.511 hộ DTTS (76,82%). Trong đó, đất vườn là 158,99ha; đất 1 vụ - 280,87ha; đất 2 vụ - 446,12ha; đất nà thổ - 2.755,31ha. Diện tích đất này có được là từ các nguồn khác nhau, bao gồm: đất tập thể và dân cư tìm kiếm - 1.950,15ha; khai hoang cơ giới - 84,93ha; khai hoang cơ giới và thủ công - 503,99ha; tư nhân và doanh nghiệp chuyển nhượng - 864,69ha; nhận khoán vườn cây -

¹ Bài viết này tham khảo các báo cáo sau: 1) UBND tỉnh Gia Lai, *Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Gia Lai*; 2) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai (2007), *Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình 132 và tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện*; 3) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai (2013), *Báo cáo Tình hình thực hiện chính sách giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2002-2012*.

155,51ha; quỹ đất xã và các loại đất khác - 53,77ha. Đến tháng 5/2005, Chương trình 132 trên địa bàn tỉnh đã kết thúc. Do vậy, số hộ bị thiếu đất được giải quyết theo chế độ của Chương trình 134.

- *Chương trình 134*: Đã giải quyết được 1.070,78/1.375,78ha (77,83%) cho 2.265/3003 hộ (đạt tỷ lệ 75,42% so với đề án sau khi rà soát). Số còn lại cần tiếp tục được giải quyết là 305ha cho 738 hộ.

3. Đánh giá chung

Nhìn chung, việc cấp đất sản xuất cho những hộ thiếu đất và/hoặc không có đất đã đáp ứng được nguyện vọng và nhu cầu chính đáng của người dân. Qua đó, đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng; là biện pháp kịp thời để góp phần XDGN. Bên cạnh đó, việc cấp đất sản xuất cho người dân đã góp phần tạo điều kiện ổn định cho công tác quản lý đất đai, hạn chế tình trạng mua bán đất trái phép trong vùng đồng bào DTTS, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự xã hội ở cơ sở. Đa số đồng bào đã sử dụng phần đất được cấp vào sản xuất cây lương thực và yên tâm sản xuất ổn định, lâu dài.

Bên cạnh những mặt tích cực vừa nêu trên, việc cấp đất sản xuất cho đồng bào DTTS vẫn còn một số bất cập nhất định. Quỹ đất nhìn chung khan hiếm; phần đất đã giải quyết cho đồng bào chủ yếu là đất lâm nghiệp khiến cho việc hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất và mục đích sử dụng đất gặp nhiều khó khăn và chậm trễ. Điều này đã dẫn đến hệ quả là một số hộ dân không thuộc diện thiếu đất đã

lấn chiếm đất, gây phức tạp cho công tác giải quyết đất và tạo nên khan hiếm nguồn đất như trường hợp của huyện Chư Sê, Chư Prông... Bên cạnh đó, đất đai bị phân tán, manh mún, nhỏ lẻ, gây ra nhiều trở ngại trong khảo sát, khai hoang và áp dụng thủy lợi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Một bộ phận đất khác tương đối dốc, khó chủ động nguồn nước tưới và dễ gây ra xói mòn và bạc màu. Cuối cùng, mức hỗ trợ của các Chương trình 132 và 134 vẫn còn quá thấp so với giá trị thực tế (khoảng 4 triệu đồng/ha so với 40-70 triệu đồng/ha); do vậy, ở những nơi đất khai hoang không còn (các xã Ia Plang, Dun, Ia Tiêm, Ia Hlốp, thị trấn Chư Sê - huyện Chư Sê; thị xã Ayun Pa, thị trấn Phú Thiện - huyện Phú Thiện) việc vận động người dân chuyển nhượng đất vẫn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao.

Rõ ràng, mặc dù đã có nhiều nỗ lực và thành công trong việc giải quyết đất đai và XDGN cho người dân nhưng vấn đề đất đai vẫn là một trong những mối quan tâm quan trọng của tỉnh Gia Lai. Việc giải quyết đất sản xuất cho các hộ DTTS thiếu đất và/hoặc không có đất sản xuất cần được thực hiện song song với những hỗ trợ khác (hệ thống thủy lợi, tập huấn kỹ thuật, ưu đãi vay vốn...) nhằm đảm bảo và tăng cường tính hiệu quả của diện tích đất đã được cấp cho người dân. Bên cạnh đó, cũng cần hướng đến sự phát triển kinh tế - xã hội đa chiều; trong đó, chú trọng những chương trình tạo việc làm và nâng cao năng lực cho người dân nhằm đa dạng hóa nguồn thu nhập và cải thiện mức sống cho đồng bào.

Hạnh Phúc